

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Phương D, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHTT: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ H. Địa chỉ: Tổ Dân Phố V, phường Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn Búc D, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội V. Chi nhánh Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H. Chức vụ: Phó Giám đốc theo văn bản ủy quyền số 141/GUQ-NHCS ngày 13/7/2018 của Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nông Thị Phương D và anh

Triệu Văn T

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nông Thị Phương D và anh Triệu Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai bên thống nhất, thỏa thuận giao con chung tên là Triệu Tiến Đ, sinh ngày 06/5/2010 cho anh Triệu Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T không yêu cầu chị Nông Thị Phương D cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Nông Thị Phương D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Các bên thống nhất, thỏa thuận như sau.

+ Chị Nông Thị Phương D có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh hàng tháng tương ứng với số tiền nợ gốc phải trả theo hồ sơ vay vốn. Thời hạn tính lãi từ 07/8/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

+ Anh Triệu Văn T có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh hàng tháng tương ứng với số tiền nợ gốc phải trả theo hồ sơ vay vốn. Thời hạn tính lãi từ 07/8/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

- **Về án phí:** Chị Nông Thị Phương D phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và anh Triệu Văn T phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Nông Thị Phương D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 05975 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nông Thị Phương D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Thu Hương**